

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-11-2019

V/v “tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Hoàng Diệu

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Thúy- Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018; về “tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐ-HNST ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phùng Thu P, sinh năm 1984

Địa chỉ: phường c, quận n, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyen Du V, sinh ngày 04/7/1974 (vắng mặt)

Quốc tịch: UNITED STATES OF AMERICA

Địa chỉ: Trowbridge. Way San Joe CA95138, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn bà Phùng Thu P trình bày và yêu cầu: Bà và ông Nguyen Du V sau thời gian tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 29/01/2010. Sau khi kết hôn ông Du V về Hoa Kỳ thu xếp công việc xong rồi sang Việt Nam làm thủ tục bảo lãnh bà P để sang Hoa Kỳ sống chung. Nhưng từ khi về Hoa Kỳ năm 2010 đến nay ông V không về Việt Nam và cũng cắt đứt liên lạc với bà P. Nhận thấy không còn tình cảm với ông Du V nên bà P có đơn yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Du V, bà và ông Nguyen Du V không có con chung cũng như không có nợ chung, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyen Du V không có ý kiến trong quá trình giải quyết, mặc dù Tòa án đã ủy thác hỏi ý kiến ông.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

-Về tố tụng: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đều thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Cả hai đương sự vắng mặt, đề nghị giải quyết vắng mặt đương sự theo quy định.

-Về nội dung: Hôn nhân của bà P và ông Du V thật sự không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ tồn tại trên giấy, khả năng đoàn tụ không có nên yêu cầu xin ly hôn của bà P là có căn cứ chấp nhận; Về con chung: không có; Về tài sản chung, nợ chung: nếu có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Phùng Thu P và ông Nguyen Du V quen biết nhau và tự nguyện kết hôn. Được Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 08/2/2010. Do đó, hôn nhân giữa bà Phùng Thu P và ông Nguyen Du V là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ khi có yêu cầu của đương sự. Do ông Nguyen Du V có quốc tịch Hoa Kỳ nên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý và giải quyết là phù hợp quy định tại Điều 28 và Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt ông Nguyen Du V tại phiên tòa hôm nay: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã thực hiện các thủ tục tổng đạt qua các kênh dành cho đương sự ở nước ngoài theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp tổng đạt thông báo thụ lý và yêu cầu thu thập chứng cứ thông qua lập biên bản lấy lời khai cho ông V (BL23-43) và đã nhận được kết quả từ Bộ tư pháp là *“không thực hiện được việc tổng đạt do không có người nhận tại nơi yêu cầu”*. Từ đó, Tòa án tiến hành đăng thông tin xét xử dành cho người nước ngoài trên website của VOV5 thời gian tiến hành phiên tòa. Do đó, căn cứ Điểm c khoản 6 Điều 477 Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyen Du V. Bà Phùng Thu P cũng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án cũng tiến hành xét xử vắng mặt bà phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Phùng Thu P và ông Nguyen Du V có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2010. Cùng năm 2010 ông Du về Hoa Kỳ và đề thu xếp công việc rồi bảo lãnh bà P sang Hoa Kỳ chung sống. Đến nay ông D không quay lại Việt Nam và đã cắt đứt liên lạc với bà P. Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho ông D nhưng không được nên đã có đăng công thông tin cho người nước ngoài. Xét thấy, ông D, bà P đã sớm ly thân, thời gian ly thân quá lâu đến nay đã gần 10 năm, cho thấy quan hệ hôn nhân hiện nay chỉ tồn tại trên giấy tờ, các bên không có nghĩa vụ yêu thương chăm sóc nhau như vợ chồng, ông Du V về Hoa Kỳ không liên lạc với và Phụng chứng tỏ ông cũng không tha thiết kéo dài mối hôn

nhân này, điều này khẳng định mục đích hôn nhân của ông bà là không đạt được, vì vậy, bà P yêu cầu xin ly hôn là có cơ sở cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung và con chung: Bà P trình bày, bà và ông Du V không có tài sản chung, nợ chung và con chung. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các mối quan hệ này sẽ giải quyết thành vụ kiện khác theo quy định chung.

Với những nhận định trên nên đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Bà P phải chịu án phí và các chi phí ủy thác tư pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: - Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Khoản 1 Điều 273, Khoản 6 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 121, Khoản 2 Điều 123 và khoản 1 Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phùng Thu P. Cho bà P được ly hôn với ông Nguyễn Du V.

2. Về con chung: không có, nên không xem xét giải quyết

3. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Nếu có tranh chấp các mối quan hệ này thì các đương sự khởi kiện thành một vụ kiện khác theo quy định chung.

4. Chi phí tố tụng và lệ phí ủy thác: Bà Phùng Thu P phải chịu các khoản chi phí sau: 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) chi phí tố tụng –LPUTTP; 200.000 đồng (Hai trăm ngàn) lệ phí ủy thác tư pháp; 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí ủy thác tư pháp; 95 USD chi phí thực tế ủy thác tư pháp bên Hoa Kỳ; 2.022.000 đồng chi phí đăng tin trên kênh VOV5. Bà P đã nộp theo các biên lai thu số 0003596 ngày 07/3/2019, biên lai thu số 0003582 ngày 09/01/2019, biên lai thu số 000246 ngày 09/01/2019 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ và đã nộp 95 USA, 2.022.000 đồng cho ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV). Bà P đã thực hiện xong.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Phùng Thu P phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền bà P đã đóng tạm ứng theo biên lai thu số 001324 ngày 10/10/2018 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày nhận được bản án. Ông Nguyễn Du V có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- Cục THADS-TPCT;
- Lưu (HS – 2b).

Hà Thị Phương Thanh

